

Bản án số: 05/2018/DS-ST
Ngày: 07 - 5 - 2018
“V/v: Tranh chấp hợp đồng tín dụng”.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ UÔNG BÍ, TỈNH QUẢNG NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Vì Thanh Hà**.

Các Hội thẩm Tòa án nhân dân:

1. Ông **Nguyễn Tiến Tập**.

2. Bà **Nguyễn Thị Xuân**.

Thư ký phiên tòa: Ông **Phạm Văn Thắng** - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Uông Bí, tỉnh Quảng Ninh.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Uông Bí, tỉnh Quảng Ninh tham gia phiên tòa: Bà **Lê Thị Kiều Oanh** - Kiểm sát viên.

Ngày 07 tháng 5 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Uông Bí, tỉnh Quảng Ninh, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 52/2017/TLST-DS ngày 10 tháng 11 năm 2017, được thụ lý bổ sung đưa người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan tham gia tố tụng ngày 22 tháng 01 năm 2018 về việc: **“Tranh chấp về hợp đồng tín dụng”**, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 02/2018/QĐXXST-DS ngày 27 tháng 3 năm 2018, Quyết định hoãn phiên tòa số: 03/2018/QĐST-DS ngày 17 tháng 4 năm 2018 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* **Ngân hàng chính sách xã hội Việt Nam**.

Địa chỉ: Số 169, phố Linh Đường, phường Hoàng Liệt, quận Hoàng Mai, TP Hà Nội.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Dương Quyết T, chức vụ: Tổng giám đốc.

Người đại diện theo ủy quyền: Bà Dương Thị Thanh H, chức vụ: Giám đốc Phòng giao dịch Ngân hàng chính sách xã hội thành phố U, tỉnh Quảng Ninh, có mặt tại phiên tòa.

2. *Bị đơn:* Ông **Nguyễn Văn Đ**, sinh năm 1964.

Nơi ĐKKHKT: khu P, phường P, thành phố U, tỉnh Quảng Ninh.

Chỗ ở: khu B, phường P, thành phố U, tỉnh Quảng Ninh.

Vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai không có lý do.

3. *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

3.1. Bà **Vũ Thị H**, sinh năm 1967.

Địa chỉ: Tổ 20, khu B, phường Y, thành phố U, tỉnh Quảng Ninh.

Vắng mặt tại phiên toà lần thứ hai không có lý do.

3.2. Hội nông dân phường P.

Địa chỉ: phường P, thành phố U, tỉnh Quảng Ninh.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Trần Văn D - Chủ tịch Hội nông dân phường P.

Vắng mặt tại phiên toà lần thứ hai không có lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 26 tháng 10 năm 2017, bản tự khai ngày 06 tháng 12 năm 2017 và tại phiên toà, đại diện theo uỷ quyền của nguyên đơn bà Dương Thị Thanh H trình bày: Ngày 30 tháng 6 năm 2013 ông Nguyễn Văn Đ là hội viên của Hội nông dân phường P thông qua việc tín chấp của Hội nông dân phường P, ông Đ đã vay vốn của Ngân hàng chính sách xã hội Việt Nam tại Phòng giao dịch Ngân hàng chính sách xã hội thành phố U – Chi nhánh Ngân hàng chính sách xã hội tỉnh Quảng Ninh với số tiền gốc là 8.000.000đồng (Tám triệu đồng) theo sổ vay vốn có mã khách hàng là 090213, mục đích sử dụng tiền vay nuôi trồng thủy sản, thời hạn vay là 24 tháng, kỳ hạn trả nợ 12tháng/lần, lãi suất trong hạn là 0,845%/tháng, lãi suất quá hạn là 130% lãi suất khi cho vay, lãi tiền vay được trả định kỳ hàng tháng vào ngày 18 hàng tháng, thời hạn trả nợ cuối cùng ngày 18 tháng 6 năm 2015. Theo hợp đồng thì ông Nguyễn Văn Đ là người vay, bà Vũ Thị H là người thừa kế khoản vay. Tuy nhiên đến ngày 18 tháng 6 năm 2015 ông Đ không trả được nợ ngân hàng theo đúng cam kết. Ngân hàng chính sách đã gia hạn trả nợ cho ông Nguyễn Văn Đ đến ngày 18 tháng 6 năm 2016. Tuy nhiên quá thời hạn nêu trên ông Đ không thực hiện nghĩa vụ thanh toán. Kể từ ngày 18 tháng 6 năm 2016 khoản nợ trên đã được ngân hàng chuyển sang nợ quá hạn, đồng thời đã thông báo cho hộ vay biết. Qua nhiều lần, Ngân hàng cùng Hội nông dân phường P tiến hành đôn đốc và lập biên bản nhưng ông Đ vẫn không trả nợ cho ngân hàng.

Tính đến ngày 18 tháng 10 năm 2017, ông Nguyễn Văn Đ mới trả Ngân hàng chính sách xã hội Việt Nam được tiền lãi trong hạn là 1.750.800 đồng (một triệu bảy trăm năm mươi nghìn tám trăm đồng), còn nợ ngân hàng chính sách xã hội Việt Nam tổng số tiền 10.118.400đồng (Mười triệu một trăm mười tám nghìn bốn trăm đồng), trong đó: Nợ gốc: 8.000.000đồng; Nợ lãi là: 2.118.400đồng

Tại bảng kê tính đến ngày xét xử vụ án (ngày 07 tháng 5 năm 2018) khoản nợ của ông Nguyễn Văn Đ như sau: Nợ gốc: **8.000.000đồng**; nợ lãi trong hạn: **691.800** đồng (tổng lãi trong hạn từ ngày 30 tháng 6 năm 2013 đến ngày 18 tháng 6 năm 2016 là: $8.000.000\text{đồng} \times 0,845\% : 30 \text{ ngày} \times 1.084 \text{ ngày} : 100\% = 2.442.600 \text{ đồng}$, ông Đ đã trả được 1.750.800đồng); nợ lãi quá hạn là: $8.000.000\text{đồng} \times 1,098\% : 30 \text{ ngày} \times 560 \text{ ngày} : 100\% = 1.639.700\text{đồng}$ (từ ngày 19 tháng 6 năm 2016 đến ngày 31 tháng 12 năm 2017) và $8.000.000\text{đồng} \times 13,176\% : 365 \text{ ngày} \times 126 \text{ ngày} : 100\% = 363.900\text{đồng}$ (tính từ ngày 01 tháng 01 năm 2018 đến ngày 07 tháng 5 năm 2018), Tổng nợ lãi quá hạn là **2.003.600** đồng. Tổng nợ gốc, lãi trong hạn và lãi quá hạn là: **10.695.400 đồng**, nay đại diện theo

uỷ quyền của nguyên đơn đề nghị Toà án buộc ông Nguyễn Văn Đ phải trả toàn bộ tiền gốc và lãi (gồm lãi trong hạn và lãi quá hạn) tính đến ngày xét xử, đồng thời phải tiếp tục trả nợ lãi tính từ ngày tiếp theo của ngày xét xử cho đến khi ông Đ tất toán khoản vay.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 26 tháng 12 năm 2017, bị đơn ông Nguyễn Văn Đ khai với nội dung: Ngày 20 tháng 6 năm 2013, ông Đ có giấy đề nghị kiêm phương án vay vốn, theo đó ông đề nghị Ngân hàng chính sách xã hội thành phố Uông Bí vay vốn với số tiền 8.000.000đồng (Tám triệu đồng), ngày 30 tháng 6 năm 2013, Ngân hàng chính sách xã hội thành phố Uông Bí đã giải ngân và ông Đ đã nhận đủ số tiền 8.000.000đồng. Tuy nhiên sau khi nhận được tiền, bà Vũ Thị H đã lấy toàn bộ số tiền 8.000.000đồng để sử dụng vào việc riêng. Nay Ngân hàng chính sách xã hội thành phố Uông Bí yêu cầu ông Đ trả nợ, quan điểm của ông Đ là hiện nay ông Đ có hoàn cảnh khó khăn, lại bị bệnh tật nên chưa trả ngày cho Ngân hàng được và đề nghị Toà án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Tại bản tự khai ngày 26 tháng 12 năm 2017, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Vũ Thị H khai với nội dung: Năm 2013, Ngân hàng chính sách xã hội thành phố Uông Bí cho ông Nguyễn Văn Đ vay số tiền 8.000.000đồng, tính đến ngày 18 tháng 10 năm 2017, ông Đ còn nợ tiền gốc là 8.000.000đồng, tiền lãi là 2.118.400đồng. Quan điểm của bà H là ông Đ vay thì ông Đ có trách nhiệm phải trả nợ, bà H không có trách nhiệm trả nợ vì thực tế hai người đã ly hôn vào năm 1996. Đối với chữ ký của bà H trong sổ vay vốn, bà không có ý kiến gì.

Tại biên bản xác minh ngày 15 tháng 01 năm 2018, ông Trần Văn D là Chủ tịch Hội nông dân phường P trình bày: Ngân hàng chính sách xã hội thành phố U có ký hợp đồng ủy nhiệm với Hội nông dân phường P và các tổ trưởng tổ vay vốn của phường P về việc thu lãi, thu tiết kiệm và thực hiện một số nội dung khác trong quy trình cho vay của Ngân hàng chính sách xã hội. Về quy trình cho vay vốn: Qua việc xét duyệt của tổ, khu trình kèm theo danh sách những đối tượng được vay vốn ngân hàng, Hội nông dân và Ủy ban nhân dân phường P tổ chức xét duyệt và gửi lên ngân hàng chính sách cho vay vốn theo quy định. Hội nông dân không thực hiện việc giải ngân và thu tiền gốc và lãi hàng tháng, chỉ thực hiện việc tín chấp, hướng dẫn thủ tục, tiếp cận vốn, theo dõi đôn đốc trả nợ. Ông Nguyễn Văn Đ có đơn xin vay vốn để nuôi trồng thủy sản, sau khi nhận được đơn, Tổ vay vốn của khu họp và xét duyệt, chuyển hồ sơ lên Hội nông dân và UBND phường P. Hội nông dân và UBND phường P thẩm định hồ sơ và xét thấy đủ điều kiện cho vay và đã chuyển hồ sơ lên Ngân hàng chính sách xã hội thành phố U để cho ông Đ vay vốn theo quy định. Ông Đ được Ngân hàng chính sách xã hội thành phố U cho vay 8.000.000đồng, thời hạn vay là 24 tháng, mục đích vay là nuôi trồng thủy sản. Nay ông Đ chưa trả đủ nợ cho ngân hàng chính sách xã hội thành phố U, quan điểm của Hội nông dân đề nghị ông Đ trả nợ theo đúng quy định của pháp luật.

Quá trình giải quyết vụ án, Toà án đã mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hoà giải nhưng bị đơn và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đều vắng mặt.

Tại phiên toà, đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố U phát biểu ý kiến:

Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử vụ án, Thư ký phiên tòa trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án:

** Việc tuân theo pháp luật trong thời gian chuẩn bị xét xử:*

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã thụ lý vụ án đúng thẩm quyền. Thẩm phán đã xác định đúng quan hệ pháp luật tranh chấp trong trường hợp này là tranh chấp dân sự và tư cách các đương sự tham gia tố tụng. Thời hạn chuẩn bị xét xử vụ án đảm bảo. Việc lập hồ sơ vụ án đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự, tổ chức phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hoà giải 02 lần nhưng bị đơn và những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đều không có mặt, việc hòa giải không thành nên Tòa án quyết định đưa vụ án ra xét xử là có căn cứ, đúng quy định. Việc thu thập chứng cứ như lấy lời khai đương sự, xác minh đúng theo quy định tại Điều 97, 98 Bộ luật tố tụng dân sự. Các văn bản tố tụng, hồ sơ vụ án được gửi VKS và tổng đạt cho các đương sự đúng quy định.

** Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử, Thư ký tại phiên tòa:*

Hội đồng xét xử đã tuân theo đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về việc xét xử sơ thẩm vụ án.

Việc tuân theo pháp luật tố tụng của người tham gia tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án:

Nguyên đơn, đại diện nguyên đơn từ khi thụ lý vụ án đến thời điểm này là đúng theo qui định của Điều 70, 71 Bộ luật tố tụng dân sự.

Đối với bị đơn và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đã có quan điểm của mình đối với vụ án nhưng không có mặt theo giấy triệu tập của Tòa án.

Về đường lối giải quyết vụ án: Căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án thấy, việc vay vốn giữa ông Đ với ngân hàng chính sách xã hội - chi nhánh U đã được thực hiện dựa trên thỏa thuận tự nguyện giữa các bên, đúng quy định của pháp luật. Phía Nguyên đơn là Ngân hàng Chính sách xã hội đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình. Đối với bị đơn là ông Đ không thực hiện theo đúng thỏa thuận, việc Nguyên đơn yêu cầu ông Đ phải trả nợ gốc, lãi theo hợp đồng là có căn cứ, cần được chấp nhận.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng và xác định quan hệ pháp luật cần giải quyết trong vụ án:

Hợp đồng được giao kết và thực hiện tại thành phố U, tỉnh Quảng Ninh thông qua Phòng giao dịch Ngân hàng chính sách xã hội thành phố U và bị đơn có địa chỉ tại thành phố U, căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1

Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố U.

Bị đơn ông Nguyễn Văn Đ, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Vũ Thị H và đại diện theo pháp luật của Hội nông dân phường P vắng mặt lần tại phiên tòa lần thứ hai không có lý do, căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vụ án

Về quan hệ pháp luật cần giải quyết: Nguyên đơn và bị đơn tranh chấp về Hợp đồng vay tài sản theo quy định tại khoản 3 Điều 26 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung vụ án và đánh giá yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, quan điểm của bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

Về nội dung vụ án: Ngày 30 tháng 6 năm 2013 Ngân hàng chính sách xã hội Việt Nam thông qua Phòng giao dịch Ngân hàng chính sách xã hội thành phố U – Chi nhánh Ngân hàng chính sách xã hội tỉnh Quảng Ninh cho ông Nguyễn Văn Đ vay số tiền là 8.000.000đồng (Tám triệu đồng) theo sổ vay vốn có mã khách hàng là 090213, mục đích sử dụng tiền vay là nuôi trồng thủy sản, thời hạn vay là 24 tháng, kỳ hạn trả nợ 12 tháng/lần, lãi suất trong hạn là 0,845%/tháng, lãi suất quá hạn là 130% lãi suất khi cho vay, lãi tiền vay được trả định kỳ hàng tháng vào ngày 18, thời hạn trả nợ cuối cùng vào ngày 18 tháng 6 năm 2015. Ông Nguyễn Văn Đ đã nhận đủ số tiền này theo phiếu chi số 08 ngày 30 tháng 6 năm 2013 của Phòng giao dịch Ngân hàng chính sách xã hội thành phố Uông Bí. Do không trả nợ đúng hạn nên đến gần thời hạn trả nợ, ngày 16 tháng 6 năm 2015 ông Nguyễn Văn Đ có đơn đề nghị gia hạn nợ và được Phòng giao dịch Ngân hàng chính sách xã hội thành phố U chấp nhận gia hạn nợ gốc đến ngày 18 tháng 6 năm 2016.

Xét yêu cầu của nguyên đơn buộc bị đơn phải trả số tiền nợ gốc là 8.000.000đồng (tám triệu đồng) và tiền lãi trong hạn, lãi quá hạn. Căn cứ vào lời trình bày cũng như các tài liệu đại diện nguyên đơn đã nộp như Sổ vay vốn; sổ lưu tờ rời theo dõi cho vay, thu nợ, dư nợ; phiếu chi ngày 30 tháng 6 năm 2013; thẻ theo dõi giao dịch tiền vay và cũng tại biên bản lấy lời khai ngày 26 tháng 12 năm 2017 ông Nguyễn Văn Đ đã thừa nhận vay số tiền 8.000.000đồng (tám triệu đồng) của Ngân hàng chính sách xã hội Việt Nam. Hội đồng xét xử có đủ cơ sở kết luận ông Nguyễn Văn Đ vay Ngân hàng chính sách xã hội thành phố U số tiền 8.000.000đồng là đúng sự thật. Việc giao kết hợp đồng giữa hai bên là hoàn toàn tự nguyện, các bên đều hiểu được quyền và nghĩa vụ của mình đã được ghi trong sổ vay vốn. Tuy nhiên đến hạn trả nợ, ông Nguyễn Văn Đ vẫn không trả nợ gốc và lãi đầy đủ là vi phạm vào điểm c tiểu mục 2.2 mục 2 quy định về quyền và nghĩa vụ của người vay của Sổ vay vốn. Tính đến ngày 07 tháng 5 năm 2018, ông Nguyễn Văn Đ còn nợ Ngân hàng chính sách xã hội Việt nam cụ thể như sau: nợ gốc: 8.000.000đồng; nợ lãi trong hạn là 691.800 đồng; nợ lãi quá hạn là đồng 2.003.600 đồng. Tổng **10.695.000** đồng (làm tròn).

Từ đánh giá trên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc ông Nguyễn Văn Đ phải trả nợ gốc và nợ lãi theo đúng như các bên đã thỏa thuận.

Về trách nhiệm của Hội nông dân phường P: Ngày 18 tháng 12 năm 2012 Hội nông dân phường P, thành phố U là tổ chức chính trị xã hội có ký hợp đồng uỷ

thác cho vay hộ nghèo và các đối tượng chính sách khác với Ngân hàng chính sách xã hội thành phố U. Trong đó tại điểm 3 và điểm 4 Điều 2 của hợp đồng uỷ thác quy định Hội nông dân phường P có trách nhiệm đôn đốc người vay trả nợ gốc, lãi theo định kỳ đã thoả thuận. Hội nông dân phường P thực hiện việc tín chấp đối với hội viên của mình nhưng đến nay ông Nguyễn Văn Đ chưa trả nợ gốc và chưa trả đủ nợ lãi theo như đã cam kết. Vì vậy Hội nông dân phường P tiếp tục phải có trách nhiệm đôn đốc ông Nguyễn Văn Đ trả nợ ngân hàng chính sách xã hội Việt Nam theo như đã thoả thuận.

[3] Về án phí: Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn ông Nguyễn Văn Đ phải chịu theo quy định của pháp luật.

[4] Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ:

Khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228; Điều 266 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Điều 372; Điều 471 và Điều 474 của Bộ luật dân sự năm 2005.

Điểm b khoản 1 Điều 24; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban thường vụ quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng chính sách xã hội Việt Nam.

Buộc bị đơn ông Nguyễn Văn Đ phải trả nguyên đơn Ngân hàng chính sách xã hội Việt Nam tổng số tiền là: **10.695.000** đồng (làm tròn) (mười triệu sáu trăm chín lăm nghìn đồng), trong đó: tiền gốc là 8.000.000 đồng (tám triệu đồng), tiền lãi trong hạn là: 691.800 đồng (sáu trăm chín một nghìn tám trăm đồng), tiền lãi quá hạn là 2.003.600 đồng (hai triệu không trăm linh ba nghìn sáu trăm đồng) tính đến ngày 07 tháng 5 năm 2018.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm, ông Nguyễn Văn Đ còn phải tiếp tục chịu khoản lãi quá hạn của số tiền gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thoả thuận trong hợp đồng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng, các bên có thoả thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của ngân hàng cho vay thì lãi suất mà khách hàng vay tiếp tục thanh toán cho ngân hàng cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của ngân hàng cho vay.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm: Bị đơn ông Nguyễn Văn Đ phải nộp 534.000 đồng (năm trăm ba mươi bốn nghìn đồng) vào ngân sách Nhà nước.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Án xử công khai sơ thẩm, có mặt nguyên đơn, báo cho biết được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, ngày 07 tháng 5 năm 2018./.

Vắng mặt bị đơn và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, báo cho biết được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án./.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ninh;
- Viện kiểm sát nhân dân TP Uông Bí;
- Các đương sự;
- Lưu HS; VP./.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Vi Thanh Hà

